

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Ngọc Túy

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 10-7-2018 về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-11-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23-11-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T; ĐKNKTT: Xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Phố B, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu B; địa chỉ: Phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30-4-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 10-7-2018, tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Hữu B xây dựng gia đình với nhau từ năm 1990, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian khoảng 10 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung

đột. Nguyên nhân chính do không còn tình cảm với nhau; tính cách và quan điểm sống ngày càng bất đồng; việc làm ăn của bà T gặp khó khăn, ông B thỉnh thoảng có chửi bới và đánh đập bà. Vì vậy, bà và ông B đã sống ly thân nhau mỗi người 1 nơi khoảng 06 năm nay, không ai quan tâm tới ai. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà T đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho bà được ly hôn ông B để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Bà T và ông B có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 09-10-1991 và Nguyễn Hữu S, sinh ngày 11-02-2000. Hiện các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà T đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T tại buổi hòa giải tại Trung tâm hòa giải tại Tòa án, ông B có tham dự và có đưa ra ý kiến là: "Do ông còn tình cảm với bà T nên ông không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ". Tuy nhiên, đến giai đoạn thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông B đều trực tiếp nhận nhưng không đến và cũng không gửi bất cứ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình về việc bà T xin ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu;

Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hữu B; về con chung: Hai con chung hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Bà T đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông B không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản chung, do vậy đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Bà phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ 2, bị đơn vắng mặt không có lý do. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Hữu B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà T cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau; đã sống ly thân 06 năm nay, không còn trách nhiệm với nhau. Do đó bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của bị đơn:

Ông B không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ vì còn tình cảm với bà T.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian dài cả hai bên không có bất kỳ biện pháp gì để cải thiện và hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mà vẫn tiếp tục ly thân nhau; bỏ mặc, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Yêu cầu đoàn tụ đoàn tụ vợ chồng của ông B là chính đáng nhưng không phù hợp với thực tế hôn nhân giữa hai bên.

[5] Về căn cứ cho ly hôn:

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đánh giá vợ chồng không còn tình cảm đối với nhau; hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau, từ đó dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Hai bên có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 09-10-1991 và Nguyễn Hữu S, sinh ngày 11-02-2000. Hiện các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Bị đơn không đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết. Hai bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo khoản 6 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007893 ngày 10-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu B.
2. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007893 ngày 10-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND xã H, H. T, HP
(GCNKH số ... ngày ...-...-1990);
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phin Mai Ngọc Túy

Phạm Trung Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Việt Tùng

Mai Ngọc Túy

Phạm Trung Dũng

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, HP;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Kiều Nhung Nguyễn Hữu Tiến

Phạm Trung Dũng